

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/DSPT
Ngày: 21/01/2026
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thơ Hiền;
Các Thẩm phán: Ông Lê Ngọc Minh và ông Trương Công Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy An, Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 574/2025/DS-PT ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án sơ thẩm số 173/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 448/2025/QĐ-PT ngày 03/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; Địa chỉ: I P, phường E, tỉnh Đắk Lắk. *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1995; Địa chỉ: A P, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1963; Địa chỉ: B Y, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Quách Thị D; Địa chỉ: B Y, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn Phạm Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T và người đại diện theo ủy quyền trình bày được tóm tắt như sau:**

Do mối quan hệ quen biết nhau nên ngày 08/8/2023, bà Nguyễn Thị T đã cho bà Phạm Thị L vay số tiền 150.000.000 đồng. Nội dung thỏa thuận về thời hạn

và lãi suất vay cụ thể như sau: Lãi suất vay tiền: 2%/tháng. Thời hạn vay tiền: 06 tháng kể từ ngày 08/8/2023. Để đảm bảo cho việc vay tiền, bà Phạm Thị L đã giao cho bà Nguyễn Thị T bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 800676 do UBND thành phố B cấp cho bà Phạm Thị L đối với thửa đất số 274, tờ bản đồ số 01 diện tích 115,2m² tại B Y, thành phố B. Toàn bộ nội dung vay tiền và thỏa thuận trên được lập thành Giấy vay tiền ngày 08/8/2023. Tuy nhiên hết thời hạn vay tiền, bà Phạm Thị L không trả cho bà T bất cứ khoản vay tiền nào trong tổng số nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Bà T đã nhiều lần đòi tiền nhưng đến nay bà L vẫn chưa trả tiền cho bà T.

Do đó bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị L trả cho bà T số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 20%/năm từ khi vay cho đến khi trả hết nợ.

**** Bị đơn bà Phạm Thị L trình bày:***

Tôi và bà Tân Quách D1 là hàng xóm của nhau và bà D1 có nói tôi chơi cái này để kiếm tiền đi chợ. Sau này tôi được biết là chơi bitcoin. Tôi đã giao cho bà D1 2 lần tiền với số tiền mỗi lần là 12.500.000 đồng và tiền phí là 200.000 đồng. Khi con tôi quậy bà D1 thì bà D1 có trả cho tôi số tiền 11.000.000 đồng, còn lại 1.500.000 đồng và 200.000 đồng phí bà D1 giữ lại.

Vào ngày 06/8/2023 tôi có đặt vấn đề vay bà T thì bà nói có 150.000.000 đồng nhưng bà T không nói là có cho vay hay không thì đến chiều bà D1 gọi điện cho tôi nói bà T cho vay tiền. Một lát sau thì bà T gọi điện cho tôi là bà đem tiền ra nhà bà D1 và giao cho bà D1 chứ không giao cho tôi. Tôi chờ mãi không thấy bà T ra nhà bà D1 và tôi có nói với bà D1 để tôi gửi sổ Quyền sử dụng đất tại nhà bà D1 và tôi nói tôi về sợ con trai tôi biết. Tôi chờ mãi không thấy bà T và bà D1 qua để nhận tiền tại nhà bà D1.

Ngày 25/10/2023 bà T tự viết giấy vay nợ tại quán cà phê A, bà T nói là không được xem và bắt tôi phải ký vào giấy vay mượn do bà T viết, lúc đó đầu tôi choáng nên không tỉnh táo và tôi ký vào giấy vay mượn. Chữ ký trong giấy vay mượn đúng là do tôi tự ký. Vào ngày 25/10/2023, bà T không đưa tiền cho tôi. Tôi có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D1 chứ không có giao cho bà T. Còn bà D1 là người đưa trực tiếp tập bìa mà tôi đưa cho bà D1 nên tôi nghĩ bà D1 đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tôi cho bà T. Lúc đó tôi không có phản ứng gì cả. Ngày 19/9/2024, bà T có đến nhà tôi quay phim và tôi nói bà T đưa tiền cho ai thì lấy người đó.

Nay bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu tôi trả số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm thì tôi không đồng ý. Tôi không có vay mượn tiền của bà T. Tôi không có nhận số tiền 150.000.000 đồng của bà T và không có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T. Bà T đưa tiền cho ai thì đòi người đó.

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 173/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk đã quyết định:**

Áp dụng Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 463, 465, 466, 467, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Phạm Thị L có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 181.996.500 đồng (trong đó 150.000.000 đồng tiền gốc và 31.996.500 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của [Bộ luật Dân sự năm 2015](#)

Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 800676 do UBND thành phố B cấp cho bà Phạm Thị L đối với thửa đất số 274, tờ bản đồ số 01 diện tích 115,2m² tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/10/2025, bị đơn Phạm Thị L có đơn kháng cáo không chấp nhận toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm bác yêu cầu của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị đơn kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự vẫn giữ nguyên nội dung đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ giấy vay tiền lập ngày 08/8/2023 có nội dung bà Phạm Thị L vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 150.000.000đ, lãi suất 02%/tháng, thời hạn vay 06 tháng; để đảm bảo khoản vay, bà L có đưa cho bà T một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 800676 của bà L. Bà L thừa nhận do bà L ký tên trên giấy vay tiền. Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bà L kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Phạm Thị L kháng cáo trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, là kháng cáo hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Tòa án sơ thẩm căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

2. Xét yêu cầu kháng cáo:

- Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Thị T phù hợp với tài liệu là Giấy vay tiền lập ngày 08/8/2023 có chữ ký của bà Phạm Thị L do bà Thủy cung C; phù hợp với lời khai của bà L thừa nhận chữ ký trên giấy vay tiền là của mình, có căn cứ xác định: Ngày 08/8/2023, bà Nguyễn Thị T cho bà Phạm Thị L vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 08/8/2023.

Để đảm bảo khoản vay, bà L giao cho bà T bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 800676 do UBND thành phố B cấp cho bà Phạm Thị L đối với thửa đất số 274, tờ bản đồ số 01 diện tích 115,2m² tại B Y, thành phố B.

Bà L trình bày bản thân không nhận tiền mà số tiền này do bà T giao cho bà Quách Thị D; ngoài lời trình bày, bà L không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để loại trừ nghĩa vụ phải trả tiền theo Giấy vay tiền lập ngày 08/8/2023.

Do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L trả cho bà T nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm với số tiền 31.996.500 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của bà L là không có căn cứ chấp nhận.

- Về án phí: Bà L sinh năm 1963, hiện nay trên 60 tuổi, là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi. Tại cấp phúc thẩm có yêu cầu xin miễn án phí, thuộc trường hợp được xét miễn án phí theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm nên sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí, miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho bà L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa một phần Bản án sơ thẩm số 173/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk về án phí.

Áp dụng các điều 463, 465, 466, 467, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 12, 26, 29 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T: Buộc bà Phạm Thị L có

trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 181.996.500đ (Một trăm tám mươi một triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng), trong đó có 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 31.996.500đ (Ba mươi một triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị L: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 800676 do UBND thành phố B cấp cho bà Phạm Thị L đối với thửa đất số 274, tờ bản đồ số 01 diện tích 115,2m² tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Phạm Thị L.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 4.969.000đ (Bốn triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012415 ngày 21/11/2024 tại Chi cục THADS thành phố B (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đ).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 1 - Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thơ Hiền